

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 143/2021/HSST

Ngày 21 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa
2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn H**, sinh ngày 29/11/1994 tại T; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T1, huyện T2, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị H1; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 205/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Đ1, Thành phố H1 xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2019, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/01/2018; Bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 29/6/2021 chuyển tạm giam đến nay. (Trích xuất, có mặt)

2. **Khổng Thị H2**, sinh ngày 22/9/1994 tại T; Nơi cư trú: tổ 03, phường H3, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khổng Vũ B (đã chết) và bà Đặng Thị H4; Chưa có chồng, có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị

tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 29/6/2021 chuyển tạm giam đến nay. (*Trích xuất, có mặt*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lại Thanh T3 (tên khác: T4), sinh năm 2000; Trú tại: Số nhà 03, tổ 19, phường B1, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

Người chứng kiến:

- Chị Trịnh Ngọc L, sinh năm 1994; Trú tại: thôn P, xã T5, huyện V, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

- Anh Bùi Bảo N, sinh năm 1999; Trú tại: tổ 31, phường B1, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

- Ông Trần Duy H, sinh năm 1967; Trú tại: tổ 3, phường H3, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/6/2021, Phạm Văn H đi từ nhà đến khu vực ngã tư xã T6, thành phố T gặp và mua của một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) 02 túi ma túy đá với giá 600.000 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Sau đó H đi xe taxi đến chỗ ở của Khổng Thị H2 thuê trọ nhà ông Trần Duy H, ở tổ 3, phường H3, thành phố T. Đến nơi, H nói với H2 vừa mua được 02 túi ma túy đá để bán kiếm lời, nếu H2 bán hộ ma túy thì H sẽ trả tiền công, H2 đồng ý. Một lúc sau có Trịnh Ngọc L và Bùi Bảo N là bạn của H2 đến chơi, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày có Lại Thanh T3 (tức T4) đến gặp và hỏi H2 “*chị có ma túy đá không bán cho em 500.000 đồng*”, H2 nói “*có*”, T3 đưa cho H2 01 tờ tiền 500.000 đồng, H2 nhận tiền vào gặp H nói có khách mua 500.000 đồng ma túy đá, H đồng ý bán, H2 đưa tờ tiền 500.000 đồng cho H nhận tiền và lấy từ trong người ra 01 túi ma túy đá cùng 01 tờ tiền 200.000 đồng đưa cho H2 nói là tiền công bán ma túy. H2 nhận tiền cất vào túi quần sau bên trái đang mặc và cầm túi ma túy ra đưa cho T3, khi T3 nhận và cho vào túi quần bên trái đang mặc thì lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương, ông Trần Duy H, anh Trịnh Ngọc L và anh Bùi Bảo N, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần bên trái phía trước T3 đang mặc 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt, T3 khai đó là túi ma túy đá vừa mua của H2 với giá 500.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân (Niêm phong ký hiệu M1); thu giữ tại túi quần sau bên trái H2 đang mặc 200.000 đồng, H2 khai vừa bán hộ H 01 túi ma túy đá cho T3 với giá 500.000 đồng, được H trả 200.000 đồng tiền công. Kiểm tra, thu giữ: tại túi quần phía trước H đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã cũ; tại túi quần phía sau

bên phải H đang mặc 01 ví màu nâu đã cũ, bên trong ví có 500.000 đồng, H khai đó là tiền H2 vừa bán hộ 01 túi ma túy; 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M2), H khai đó là túi ma túy đá của H, mục đích để bán kiếm lời. Kiểm tra anh Trịnh Ngọc L và anh Bùi Bảo N không phát hiện thu giữ gì. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, quản lý vật chứng, tài sản theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Khổng Thị H2 (thuê trọ tại nhà ông Trần Duy H) thu giữ trong tủ quần áo trong phòng ngủ 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế làm bằng vỏ chai nước trà xanh và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn H tại thôn Đ, xã T1, huyện T2, tỉnh T, không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 252/KLGĐMT - PC09 ngày 25/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Mẫu vật M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0367 gam. Mẫu vật M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1501 gam*”.

Bản cáo trạng số 142/CT-VKSTPTB ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn H và Khổng Thị H2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H và Khổng Thị H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H và Khổng Thị H2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1; khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, bị cáo Khổng Thị H2 mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ; Hình phạt bổ sung: Phạt Phạm Văn H và Khổng Thị H2 mỗi bị cáo từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu số ma túy hoàn lại sau giám định niêm phong trong 02 phong bì cùng số 252/KLGĐMT và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế làm bằng vỏ chai nước trà xanh để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 700.000 đồng do phạm tội mà có sung ngân sách nhà nước; trả lại Phạm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh-đen đã cũ và 01 ví giả da màu nâu. Nhưng quản lý điện thoại để đảm bảo thi hành án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Phạm Văn H và Khổng Thị H2 đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Khi được trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với khai tại cơ quan điều tra là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong vật chứng và bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/6/2021, tại phòng Không Thị H2 thuê trọ (nhà ông Trần Duy H) ở tổ 3, phường H3, thành phố T, Không Thị H2 và Phạm Văn H đã bán 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0367 gam cho Lại Thanh T3 (T4) lấy 500.000 đồng, bị cáo H2 được bị cáo H trả 200.000 đồng tiền công bán ma túy. Ngoài ra Phạm Văn H còn tàng trữ trong người 01 túi Methamphetamine, có khối lượng 0,1501 gam mục đích để bán kiếm lời, các bị cáo đều trên 18 tuổi có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố là có căn cứ. Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại công cuộc đấu tranh quyết liệt của nhà nước và nhân dân ta nhằm đẩy lùi, loại bỏ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Hành vi

mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã tiếp tay cho các đối tượng sử dụng và reo rắc tệ nạn ma túy trong xã hội không những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí tuệ, hủy hoại đạo đức nhân cách con người mà còn là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo đều nhận thức rõ việc mua bán chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích lợi nhuận, thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã cố ý thực hiện tội phạm nên tính chất vụ án là nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo H trực tiếp mua ma túy đưa cho H2 bán kiếm lời. Bị cáo H2 tiếp nhận ý trí của H đã bán ma túy và nhận tiền công từ H. Qua đó thấy, bị cáo H là người giữ vai trò chính, bị cáo H2 là đồng phạm thực hành tích cực vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn H đã bị Tòa án kết án về tội cùng loại, tuy đã được xóa nhưng xác định bị cáo H có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Do hành vi mua bán trái phép chất ma túy với mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo H theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H2 đã bán 01 gói ma túy và được H trả tiền công 200.000 đồng bị bắt quả tang, bản thân không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo H2.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy bị thu giữ hoàn lại sau giám định niêm phong trong 02 phong bì cùng số 252/KLGĐMT là chất Nhà nước cấm lưu hành và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế làm bằng vỏ chai nước trà xanh không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; Số tiền 700.000 đồng (gồm 200.000 đồng thu của bị cáo H2 và 500.000 đồng thu của bị cáo H) là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 ví giả da màu nâu quản lý của bị cáo H, qua điều tra xác định tài sản này không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo Phạm Văn H là phù hợp.

[8] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Phạm Văn H khai mua của một người đàn ông, không biết tên, địa chỉ tại khu vực ngã tư T6, thành phố T, tỉnh T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Lại Thanh T3 (T4) là người mua ma túy của các bị cáo, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0367gam để sử dụng cho bản thân. Song T3 chưa có tiền án, tiền sự về các tội liên quan đến ma túy nên hành vi của T3 không cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự nên Công an tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T3 là phù hợp.

Đối với Trịnh Ngọc L và Bùi Bảo N đến phòng trọ của Không Thị H2 chơi nhưng không biết các bị cáo H và H2 mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 (đối với bị cáo H) Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H và Không Thị H2 phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/6/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt Phạm Văn H 5.000.000 (*năm triệu*) đồng sung Ngân sách nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Không Thị H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/6/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu 0,1412 gam Methamphetamine được niêm phong trong 02 phong bì cùng số 252/KLGĐMT mẫu vật hoàn trả sau giám định và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế làm bằng vỏ chai nước trà xanh để tiêu hủy.

3.2. Tịch thu số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng do phạm tội mà có (được niêm phong trong phong bì) để nộp vào Ngân sách nhà nước.

3.3. Trả lại bị cáo Phạm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã cũ và 01 ví giả da đã cũ.

(*Vật chứng và tài sản đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2021*).

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn H và Khổng Thị H2. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn H, Khổng Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/10/2021. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn